

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-PT

Ngày: 26 - 4 - 2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Lưỡng

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Tuấn

Ông Nguyễn Tử Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Chinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2018/TLPT-DS ngày 03/12/2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố N bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2019/QĐPT-DS ngày 04 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Bà Mai Thị Huyền H

Địa chỉ: Số 47, BT5, khu đô thị M, C, xã T, huyện T1, thành phố Hà Nội;

1.2 Bà Nguyễn Thị M1

Địa chỉ: Phòng 505, Tòa nhà CT3, khu đô thị X, phường P, quận H1, thành phố Hà Nội;

1.3 Bà Nguyễn Thị T2

Địa chỉ: Số nhà 22, tổ 19, phường H2, thành phố T2, tỉnh Thái Nguyên;

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn: Bà H, bà M1, bà T2: Ông Nguyễn Xuân S

Địa chỉ: Số 27, ngách 39, ngõ 250, đường K, tổ 27, phường Đ, quận H3, thành phố Hà Nội là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo các văn bản ủy quyền ngày 04/12/2018)

2. Bị đơn: Công ty cổ phần C1 (Chuyển đổi từ công ty TNHHMTV V)

Địa chỉ: Đường H4, phường T3, Thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị MH

Địa chỉ cư trú: Số 36A, Nguyễn LB, Ô CH, quận Đ1, Thành phố Hà Nội;

- Bà Dương Thị T4

Địa chỉ cư trú: Số 8, ngách 25/245, đường NCT, phố N1, phường T3, Thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Là những người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 48/CUQ-CNB ngày 01 tháng 8 năm 2018)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn ThanhH5

Địa chỉ: Phòng 312, nhà K5, đô thị Việt Hưng, phường Giang Biên, quận Long Biên, Hà Nội.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Mạnh H6 – Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần C1

Địa chỉ: Số 21, Lô D, phường HVT, quận Hoàng M1, thành phố Hà Nội là Người đại diện theo pháp luật của bị đơn.

Tại phiên tòa có mặt ông S, bà MH, ông H5; vắng mặt ông H6, bà M1, bà H, bà T2, bà T4.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn bà Mai Thị Huyền H, Nguyễn Thị M1, Nguyễn Thị T2 và người đại diện của các nguyên đơn trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V (sau đây viết tắt là Công ty TNHHMTV V) hiện nay là Công ty cổ phần C1 có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2700132397 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp lần đầu ngày 01/2/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 5/6/2018, có chủ trương về việc huy động vốn vay phục vụ sản xuất kinh doanh, đối với tất cả cán bộ công ty và người ngoài công ty theo thông báo số 410/TCKT ngày 31/12/2011 của Tổng giám đốc Công ty TNHHMTV V. Sau đó, Tổng giám đốc Công ty TNHHMTV V ủy quyền cho ông Nguyễn ThanhH5 phó tổng giám đốc kiêm giám đốc Chi nhánh công ty TNHHMTV V tại Hà Nội huy động vốn. Các nguyên đơn đã cho Công ty TNHHMTV V nay là Công ty cổ phần C1 vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị T2 cho Công ty cổ phần C1 vay tổng số tiền là 1.550.000.000 đồng thông qua 4 hợp đồng vay tiền.

- Hợp đồng vay số 72/2014/HĐTD ngày 14/5/2014, vay bà Nguyễn Thị T2 số tiền 600.000.000 đồng lãi suất vay 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trên hợp đồng với số tiền nợ gốc chậm trả.

- Hợp đồng vay số 73/2014/HĐTD ngày 11/6/2014 vay bà Nguyễn Thị T2 số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trên hợp đồng với số tiền nợ gốc chậm trả.

- Hợp đồng vay số 77/2014/HĐTD ngày 5/9/2014 vay bà Nguyễn Thị T2 số tiền 700.000.000 đồng, lãi suất 7,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trên hợp đồng với số tiền nợ gốc chậm trả.

- Hợp đồng tín dụng số 81/2014/HĐTD, ngày 7/10/2014 vay bà Nguyễn Thị T2 số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 7,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trên hợp đồng với số tiền nợ gốc chậm trả.

Bà Mai Thị Huyền H cho Công ty cổ phần C1 vay tổng số tiền là 1.860.000.000 đồng thông qua 7 hợp đồng vay tiền.

- Hợp đồng tín dụng số 47/2013/HĐTD ngày 20/5/2013 vay bà Mai Thị Huyền H số tiền 180.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trên hợp đồng với số tiền nợ gốc chậm trả.

- Hợp đồng tín dụng số 66/2014/HĐTD, ngày 03/3/2014 vay bà Mai Thị Huyền H số tiền 230.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trên hợp đồng với số tiền nợ gốc chậm trả.

- Hợp đồng tín dụng số 68/2014/HĐTD, ngày 12/3/2014 vay bà Mai Thị Huyền H số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trên hợp đồng với số tiền nợ gốc chậm trả.

- Hợp đồng tín dụng số 69/2014/HĐTD, ngày 18/4/2014 vay bà Mai Thị Huyền H số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trên hợp đồng với số tiền nợ gốc chậm trả.

- Hợp đồng tín dụng số 75/2014/HĐTD, ngày 7/7/2014 vay bà Mai Thị Huyền H số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trên hợp đồng với số tiền nợ gốc chậm trả.

- Hợp đồng tín dụng số 78/2014/HĐTD, ngày 12/9/2014 vay bà Mai Thị Huyền H số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 7,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trên hợp đồng với số tiền nợ gốc chậm trả.

- Hợp đồng tín dụng số 82/2014/HĐTD, ngày 13/10/2014 vay bà Mai Thị Huyền H số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 7,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trên hợp đồng với số tiền nợ gốc chậm trả.

Bà Nguyễn Thị M1 cho Công ty cổ phần C1 vay tổng số tiền 350.000.000 đồng thông qua 4 hợp đồng vay tiền.

- Hợp đồng tín dụng số 36/2013/HĐTD, ngày 31/1/2013 vay bà Nguyễn Thị M1 số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất 13,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trên hợp đồng với số tiền nợ gốc chậm trả.

- Hợp đồng tín dụng số 70/2014/HĐTD, ngày 24/4/2014 vay bà Nguyễn Thị M1 số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trên hợp đồng với số tiền nợ gốc chậm trả.

- Hợp đồng tín dụng số 80/2014/HĐTD, ngày 20/9/2014 vay bà Nguyễn Thị M1 số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 7,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trên hợp đồng với số tiền nợ gốc chậm trả.

- Hợp đồng tín dụng số 83/2014/HĐTD, ngày 6/11/2014 vay bà Nguyễn Thị M1 số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 7,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trên hợp đồng với số tiền nợ gốc chậm trả.

Toàn bộ số tiền trên phía Công ty cổ phần C1 đã nhận đủ nhưng không thực hiện cam kết trong hợp đồng. Bà T2, bà M1, bà H đã đòi nợ nhiều lần nhưng Công ty cổ phần C1 không trả nợ. Đến ngày 31/12/2015 đại diện Công ty cổ phần C1 đã có thư xác nhận nợ với từng người cụ thể như sau:

- Công ty cổ phần C1 nợ số tiền gốc bà Nguyễn Thị T2 là 1.550.000.000 đồng và tiền lãi chưa trả đến ngày 31/12/2015 là 65.685.500 đồng

- Công ty cổ phần C1 nợ số tiền gốc bà Mai Thị Huyền H là 1.860.000.000 đồng và tiền lãi chưa trả đến ngày 31/12/2015 là 117.228.800 đồng.

- Công ty cổ phần C1 nợ số tiền gốc bà Nguyễn Thị M1 là 350.000.000 đồng và tiền lãi chưa trả đến ngày 31/12/2015 là 12.649.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 20/12/2017, bản tự khai bổ sung ngày 24/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án Người đại diện theo ủy quyền của bà T2, bà M1, bà H đề nghị Tòa án buộc:

- Công ty cổ phần C1 trả nợ số tiền gốc cho bà Nguyễn Thị T2 là 1.550.000.000 đồng và tiền lãi chưa trả đến ngày 31/12/2015 là 65.685.500 đồng và lãi suất tính từ ngày 1/1/2016 cho đến khi thanh toán hết số nợ với mức lãi suất là 7,5%/năm trên số dư nợ gốc, lãi suất nợ quá hạn không tính.

- Công ty cổ phần C1 trả nợ số tiền gốc cho bà Mai Thị Huyền H là 1.860.000.000 đồng và tiền lãi chưa trả đến ngày 31/12/2015 là 117.228.800 đồng và lãi suất tính từ ngày 1/1/2016 cho đến khi thanh toán hết số nợ với mức lãi suất là 7,5%/năm trên số dư nợ gốc, lãi suất nợ quá hạn không tính.

- Công ty cổ phần C1 trả nợ số tiền gốc cho bà Nguyễn Thị M1 là 350.000.000 đồng và tiền lãi chưa trả đến ngày 31/12/2015 là 12.649.000 đồng và

lãi suất tính từ ngày 1/1/2016 cho đến khi thanh toán hết số nợ với mức lãi suất là 7,5%/năm trên số dư nợ gốc, lãi suất nợ quá hạn không tính.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị MH trình bày:

Công ty cổ phần C1 không ký hợp đồng vay tiền trực tiếp với bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị M1, và bà Mai Thị Huyền H như ông S trình bày. Công ty cổ phần C1 không ủy quyền cho ông H5 đi ký hợp đồng vay tiền đối với bà T2, bà M1 và bà H. Theo thông báo số 410 ngày 31/12/2011 của Công ty cổ phần C1 T2 Công ty có chủ trương vay vốn nhưng Công ty trực tiếp ký hợp đồng và có sổ theo dõi vay vốn. Ông H5 không được ủy quyền nhưng lại ký hợp đồng vay vốn nên phải chịu trách nhiệm cá nhân việc này. Công ty cổ phần C1 không chấp nhận yêu cầu của ông S. Về báo cáo tài chính của Công ty cổ phần C1 khi công ty có nhiều chi nhánh công ty đúng hay sai T2 đoàn thanh tra, kiểm toán khi phát hiện sai phạm T2 phải xuất toán, chi nhánh chịu trách nhiệm. Báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm của Chi nhánh công ty cổ phần C1 cung cấp cho Công ty cổ phần C1 để công ty tổng hợp và báo cáo tài chính của công ty. Báo cáo tài chính của Chi nhánh công ty cổ phần C1 không có chi tiết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ông Nguyễn Thanh H5 trình bày:

Ông H5 là Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH MTV V kể từ ngày thành lập chi nhánh từ năm 2008 đến năm 2017. Chi nhánh Công ty TNHH MTV V được thành lập theo Quyết định số 453/QĐ-TCHC ngày 10/10/2008 của Ủy viên HĐQT – Tổng giám đốc công ty là đơn vị hạch toán kinh tế phụ thuộc theo ủy quyền của Tổng giám đốc công ty TNHH MTV V. Căn cứ vào Thông báo số 410 ngày 31/12/2011 về việc huy động vốn để công ty lấy vốn kinh doanh. Căn cứ vào văn bản ủy quyền số 400 ngày 19/12/2011 giấy ủy quyền số 205A ngày 9/8/2012; giấy ủy quyền số 292/UA-ĐTND ngày 6/11/2012. Theo các văn bản ủy quyền này ông được sử dụng con dấu, tài khoản của chi nhánh trực tiếp ký hợp đồng với các đối tác để chi nhánh công ty cổ phần C1 hoạt động kinh doanh nên ông H5 đã vay tiền thông qua các Hợp đồng vay tiền đúng như nguyên đơn bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị M1, bà Mai Thị Huyền H đã trình bày trong đơn. Toàn bộ số tiền vay của bà Nguyễn Thị T2, Mai Thị Huyền H, Nguyễn Thị M1 được nộp vào tài khoản của Công ty cổ phần C1 (thể hiện trên sổ phụ của Ngân hàng cung cấp và các phiếu thu). Số tiền vay này Công ty cổ phần C1 đã tổng hợp vào báo cáo tài chính của Công ty cổ phần C1 năm 2013, 2014.

Số tiền vay của bà T2, bà M1, bà H đã chi trả cho 3 công trình:

1. Công trình đường Gom ở Đồng Nai số tiền 1.894.000.000 đồng. Trong đó lấy tiền vay của bà M1 chi trả 65.000.000 đồng, lấy tiền vay của bà H chi trả 1.050.000.000 đồng, lấy tiền vay của bà T2 chi trả 779.000.000 đồng.

2. Công trình Tam Bạc, Thị Cầu, Đồng Nai số tiền 1.520.000.000 đồng: Trong đó lấy tiền vay của bà M1 chi trả 80.000.000, lấy tiền vay của bà H chi trả 700.000.000 đồng, lấy tiền vay của bà T2 chi trả 740.000.000 đồng.

3. Công trình Yên Xuân (Nghệ An) số tiền 346.000.000 đồng. Trong đó lấy tiền vay của bà M1 chi trả 205.000.000 đồng, lấy tiền vay của bà H chi trả 110.000.000 đồng, lấy tiền vay của bà T2 chi trả 31.000.000 đồng.

Toàn bộ số tiền chi trả mã 312 trong báo cáo tài chính các năm 2013, 2014 của Công ty cổ phần C1, khoản tiền chi này công ty cổ phần C1 đã tổng hợp báo cáo tài chính của Công ty cổ phần C1 các năm 2013, 2014.

Bà T2, bà M1, bà H đã nhiều lần đòi nợ Công ty cổ phần C1 do chưa lấy được tiền công trình nên Công ty cổ phần C1 khát nợ, đến năm 2017 tiền công trình được thanh toán số tiền 15.874.737.160 đồng ông đã nhiều lần báo cho công ty với việc trả nợ bà T2, bà H, bà M1 như ông S trình bày là đúng, nay chủ đầu tư đã trả tiền công trình ông yêu cầu Công ty cổ phần C1 trả nợ cho các chủ nợ.

Tại bản án số 11/2018/DS-ST ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố N quyết định:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 87, điểm b khoản 1 điều 142 và các điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 04/2003/NQ-HĐTP ngày 27/5/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; điều 26 Luật thi hành án dân sự.

1. Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị M1, Mai Thị Huyền H.

1.1. Buộc Công ty Cổ phần C1 trả nợ cho bà Nguyễn Thị T2 là 1.938.279.200 đồng. Trong đó nợ gốc là 1.550.000.000 đồng, nợ lãi là 388.279.200 đồng

1.2. Buộc Công ty cổ phần cảng Ninh Bình trả nợ cho bà Mai Thị Huyền H là 2.364.341.300 đồng. Trong đó nợ gốc là 1.860.000.000 đồng, nợ lãi là 504.341.300 đồng

1.3. Buộc Công ty cổ phần cảng Ninh Bình trả nợ cho bà Nguyễn Thị M1 là 435.492.700 đồng. Trong đó nợ gốc là 350.000.000 đồng, nợ lãi là 85.492.700 đồng.

Kể từ ngày 10/10/2018 Công ty cổ phần C1 còn phải trả nợ lãi cho bà Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị M1, Mai Thị Huyền H với mức lãi suất 7,5%/năm trên số dư nợ gốc của của bà T2 là 1.550.000.000 đồng, trên số dư nợ gốc của bà H là 1.860.000.000 đồng, trên số dư nợ gốc của bà Nguyễn Thị M1 là 350.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc Công ty cổ phần C1 nộp án phí dân sự sơ thẩm của số tiền:

- Phần nghĩa vụ phải trả nợ bà T2 là 70.148.000 đồng.
- Phần nghĩa vụ phải trả nợ bà H là 79.286.000 đồng.
- Phần nghĩa vụ phải trả nợ bà M1 là 21.419.000 đồng.

Ngày 19/10/2018 ông Nguyễn Mạnh H6 – Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần C1 là Người đại diện theo pháp luật của bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án số 11/2018/DS-ST ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố N. Lý do kháng cáo:

- Hợp đồng không đảm bảo tính pháp lý vì: Hợp đồng không có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật, không có ủy quyền của người đại diện theo pháp luật cho phép Chi nhánh và ông Nguyễn Thanh H5 được ký kết hợp đồng. Như vậy hợp đồng đương nhiên là vô hiệu theo quy định của pháp luật;

- Tòa án nhân dân Thành phố N áp dụng pháp luật không đúng với thực tế của sự việc;

- Ông H5 khi ký hợp đồng với các cá nhân trên đã có nhiều sai phạm, thiếu minh bạch, thiếu rõ ràng, không tuân thủ quy định của pháp luật và công ty.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Các hợp đồng không đảm bảo tính pháp lý theo Điều 145 Bộ luật dân sự nên các hợp đồng vay nợ giữa Chi nhánh và bà T2, bà H, bà M1 là vô hiệu nên Công ty cổ phần C1 không phải thanh toán cho các nguyên đơn. Trong Báo cáo tài chính của công ty các năm 2013, 2014 có thể hiện các khoản vay này nhưng chỉ tổng hợp chung, không rõ các khoản đối với từng người. Do đó, trách nhiệm thanh toán các khoản nợ mà nguyên đơn yêu cầu thuộc về ông H5. Sau đó ông H5 phải làm việc với Công ty cụ thể những khoản nào đúng quy định của công ty T2 công ty sẽ thanh toán cho ông H5. Tại phiên tòa hôm nay nếu người đại diện cho các nguyên đơn đồng ý T2 Công ty cổ phần C1 sẽ thanh toán cho các nguyên đơn 60% số tiền nợ gốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, các căn cứ pháp lý Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự xử: Bác toàn bộ kháng cáo của đại diện Công ty cổ

phần C1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố N; về án phí dân sự phúc thẩm Công ty cổ phần C1 phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Ông Nguyễn Mạnh H6 – Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần C1 là Người đại diện theo pháp luật của bị đơn nên có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Ông H6 nộp đơn kháng cáo, biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định; hình thức, nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định tại điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Tòa án nhân dân Thành phố N thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm Đơn khởi kiện ngày 16 tháng 8 năm 2017 của chị Mai Thị Huyền H, bà Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị M1 là đúng thẩm quyền được quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ, thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng ban hành và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, thu thập chứng cứ đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo bị đơn Công ty cổ phần C1:

[3.1] Về tính pháp lý của các hợp đồng vay tài sản giữa Chi nhánh công ty TNHHMTV V tại Hà Nội và các nguyên đơn được thể hiện: Vay tiền của bà Nguyễn Thị T2 tổng số tiền là 1.550.000.000 đồng thông qua 4 hợp đồng (Hợp đồng vay số 72/2014/HĐTD ngày 14/5/2014; Hợp đồng vay số 73/2014/HĐTD ngày 11/6/2014; Hợp đồng vay số 77/2014/HĐTD ngày 5/9/2014; Hợp đồng tín dụng số 81/2014/HĐTD, ngày 7/10/2014); Vay của bà Mai Thị Huyền H tổng số tiền là 1.860.000.000 đồng thông qua 7 hợp đồng (Hợp đồng tín dụng số 47/2013/HĐTD ngày 20/5/2013; Hợp đồng tín dụng số 66/2014/HĐTD, ngày 03/3/2014; Hợp đồng tín dụng số 68/2014/HĐTD, ngày 12/3/2014; Hợp đồng tín dụng số 69/2014/HĐTD, ngày 18/4/2014; Hợp đồng tín dụng số 75/2014/HĐTD, ngày 7/7/2014; Hợp đồng tín dụng số 78/2014/HĐTD, ngày 12/9/2014; Hợp đồng tín dụng số 82/2014/HĐTD, ngày 13/10/2014); vay của bà Nguyễn Thị M1 tổng số tiền 350.000.000 đồng thông qua 4 hợp đồng (Hợp đồng tín dụng số 36/2013/HĐTD, ngày 31/1/2013; Hợp đồng tín dụng số 70/2014/HĐTD, ngày 24/4/2014; Hợp đồng tín dụng số 80/2014/HĐTD, ngày 20/9/2014; Hợp đồng tín dụng số 83/2014/HĐTD, ngày 6/11/2014). Các hợp đồng nói trên đều do ông Nguyễn Thanh H5, Phó tổng giám đốc Công ty TNHHMTV V kiêm Giám đốc Chi nhánh công ty TNHHMTV V tại Hà Nội ký kết với các nguyên đơn đã thực hiện đúng Thông báo số 410 ngày 31/12/2011 về việc huy động vốn để công ty lấy vốn kinh doanh; văn bản ủy quyền số 400 ngày 19/12/2011; giấy ủy quyền số 205A ngày 09/8/2012; giấy ủy quyền số 292/UQ-ĐTND ngày 06/11/2012. Nội dung này

phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và Bộ luật dân sự 2015 qui định về pháp nhân, người đại diện của pháp nhân, quyền và nghĩa vụ của pháp nhân đối với giao dịch dân sự được ký kết giữa người đại diện của pháp nhân với các chủ thể khác. Mặt khác, các khoản tiền vay đã được thể hiện tại các báo cáo tài chính của Chi nhánh và được hạch toán vào các báo cáo tài chính của Công ty cổ phần C1 các năm 2013, 2014. Điều đó khẳng định các khoản vay nêu trên là có thật, được vay và sử dụng đúng nội dung theo các văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV V nay là Công ty cổ phần C1. Do đó, các hợp đồng vay tài sản giữa Chi nhánh công ty TNHH MTV V tại Hà Nội và các nguyên đơn có hiệu lực pháp luật.

[3.2] Bản án dân sự sơ thẩm đã đánh giá đúng bản chất sự việc, tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự, các quyết định của bản án phù hợp với các quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình về nội dung vụ án là có căn cứ.

[5] Từ các nhận định nêu trên, yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố N.

[6] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần C1 không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố N

2. Về án phí: Công ty cổ phần C1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2018/0000948 ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố N.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTGD-THA;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Huy Lương

